

Được cung cấp bởi  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
BẢO HIỂM HÙNG VƯƠNG**



Pacific Cross Việt Nam kinh doanh trong lĩnh vực hoạt động đại lý bảo hiểm, cung cấp các dịch vụ phụ trợ bảo hiểm và hỗ trợ nhà bảo hiểm và nhà tái bảo hiểm trong các vấn đề liên quan đến tái bảo hiểm nhằm phát triển và quản lý sản phẩm bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm du lịch cho người dân sinh sống tại Việt Nam. Chúng tôi là thành viên của Tập đoàn Pacific Cross gồm các công ty hoạt động tại Hồng Kông, Philippines, Indonesia, Thái Lan và Việt Nam.



Thông tin liên hệ  
**PACIFIC CROSS VIET NAM**

**Văn phòng Hồ Chí Minh**

Tầng 6, Tòa nhà VNPT,  
Số 1487 Nguyễn Văn Linh,  
Phường Tân Hưng,  
Thành phố Hồ Chí Minh  
**Tel:** (+84 28) 7306 9669

**Email:** inquiry@pacificcross.com.vn

**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 12, Tòa nhà Geleximco,  
Số 36 Hoàng Cầu,  
Phường Ô Chợ Dừa,  
Thành phố Hà Nội  
**Tel:** (+84 24) 7308 6699

**Website:** pacificcross.com.vn



Được quản lý bởi

# CARE ELITE

## Dẫn lối an tâm Chạm cuộc sống xứng tầm

**Đặc quyền an tâm cho cuộc sống xứng tầm**



**BẢO HIỂM SỨC KHỎE**



## CARE ELITE

Dành cho:

■ Khách hàng mong muốn sự bảo vệ sức khỏe chủ động, không giới hạn và cao cấp.

Care Elite là đỉnh cao của hành trình an tâm – nơi bảo vệ sức khỏe trở thành một đặc quyền xứng tầm với phong cách sống của bạn.

## ƯU ĐIỂM SẢN PHẨM



**Trợ cấp tiền mặt** khi nằm viện.



**Hỗ trợ tài chính** trong trường hợp Người được Bảo hiểm được chẩn đoán bệnh ung thư



**Chi trả hầu hết các bệnh hiểm nghèo** như ung thư, chạy thận, ghép tạng, v.v.



**Hỗ trợ giường cho người nhà** khi Người được Bảo hiểm dưới 18 tuổi.



**Chi trả cho trợ giúp khẩn cấp** (chi phí đi lại bổ sung, chuyển thi hài về quê hương hoặc nước cư trú, tổn thương răng do tai nạn, v.v.)

**Thủ tục bồi thường nhanh chóng, tiện lợi.**



Dễ dàng theo dõi thông qua ứng dụng di động.

**30 phút**

Bảo lãnh ngoại trú chỉ trong 30 phút.

**3 ngày**

Giải quyết bồi thường trong vòng 3 ngày.

**24/7**

Tổng đài hỗ trợ 24/7, luôn sẵn sàng đồng hành khi bạn cần.



**Mạng lưới hỗ trợ y tế trải rộng toàn cầu**



**Mạng lưới bảo lãnh viện phí toàn quốc.** Xem chi tiết mạng lưới [tại đây](#).



## HẠN MỨC QUYỀN LỢI

| Chương trình bảo hiểm     | CE1                                                       | CE2                |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>Quyền lợi chính</b>    |                                                           |                    |
| Quyền lợi Nội trú         | 10 tỷ đồng/năm                                            | 20 tỷ đồng/năm     |
| <b>Quyền lợi lựa chọn</b> |                                                           |                    |
| Quyền lợi Ngoại trú       | 1 tỷ đồng/năm                                             | 2 tỷ đồng/năm      |
| Quyền lợi Thai sản        | 80 triệu đồng/năm                                         | 100 triệu đồng/năm |
| Quyền lợi Nha khoa        | 30 triệu đồng/năm                                         | 40 triệu đồng/năm  |
| Quyền lợi Tai nạn cá nhân | Lựa chọn bảo hiểm từ 20 triệu đồng/năm đến 10 tỷ đồng/năm |                    |

## QUYỀN LỢI

### ■ QUYỀN LỢI NỘI TRÚ (QUYỀN LỢI CHÍNH)

Đơn vị: đồng

| Chương trình bảo hiểm                                                                                               | CE1                 | CE2                 |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Mức quyền lợi tối đa/Năm hợp đồng                                                                                   | 10,0 tỷ             | 20,0 tỷ             |
| Phạm vi bảo hiểm                                                                                                    | Toàn cầu (*)        | Toàn cầu (*)        |
| Chi phí phòng và giường<br>(Tối đa 60 ngày/Năm hợp đồng)                                                            | 8.000.000 /ngày     | 9.000.000 /ngày     |
| Phí khám bệnh hằng ngày của Bác sĩ và Phí Bác sĩ chuyên khoa<br>(Tối đa 30 lần/Năm hợp đồng)                        | 6.000.000 /lần khám | 7.000.000 /lần khám |
| Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt, Phòng chăm sóc mạch vành, Phòng theo dõi liên tục<br>(Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng) | Trả toàn bộ         | Trả toàn bộ         |
| Điều trị trước khi nhập viện<br>(Trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện)                                            | Trả toàn bộ         | Trả toàn bộ         |
| Điều trị sau khi xuất viện<br>(Trong vòng 90 ngày sau khi xuất viện)                                                | Trả toàn bộ         | Trả toàn bộ         |
| Điều dưỡng tại nhà<br>(Trong vòng 60 ngày sau khi xuất viện)                                                        | Trả toàn bộ         | Trả toàn bộ         |
| Dịch vụ xe cấp cứu<br>(Tối đa 5 lần/Năm hợp đồng)                                                                   | Trả toàn bộ         | Trả toàn bộ         |

| Chương trình bảo hiểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | CE1                       | CE2                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>Các chi phí khác trong điều trị nội trú:</b><br>Các chi phí xét nghiệm chẩn đoán, chẩn đoán hình ảnh theo chỉ định của Bác sĩ, thuốc được kê đơn, phí Bác sĩ, máu, huyết tương, thuê xe lăn sử dụng trong bệnh viện, vật tư y tế, dụng cụ và trang thiết bị phẫu thuật, thiết bị y khoa được đặt/gắn bên trong cơ thể, v.v.                                                                                                                                                                                                              | Trả toàn bộ               | Trả toàn bộ               |
| <b>Chi phí phẫu thuật nội trú:</b><br>Chi phí bác sĩ phẫu thuật, chi phí phòng phẫu thuật, chi phí gây mê/gây tê, chi phí đánh giá tiền phẫu thuật và chăm sóc hậu phẫu thuật thông thường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Trả toàn bộ               | Trả toàn bộ               |
| <b>Điều trị ung thư:</b><br>(Tối đa 5 lần/Năm hợp đồng)<br>Là chi phí xạ trị, hóa trị, liệu pháp trúng đích (ngoại trừ phương pháp Phẫu thuật) theo chỉ định của Bác sĩ, không bao gồm thuốc được cấp mang về                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Trả toàn bộ               | Trả toàn bộ               |
| <b>Ghép tạng:</b><br>(Tối đa 1 tạng/cả đời)<br>Các chi phí cho việc ghép thận, tim, phổi, gan, tủy xương cho người nhận là Người được Bảo hiểm (tối đa 50% cho người hiến tạng và số phần trăm còn lại cho người nhận, tùy theo sự lựa chọn của Người được Bảo hiểm). Công ty không thanh toán cho các chi phí để có được tạng;<br>Quyền lợi này là tổng cộng tối đa cho mỗi tạng trong suốt cuộc đời và Công ty sẽ không thanh toán bất kỳ quyền lợi nào khác trong hợp đồng bảo hiểm liên quan đến việc ghép tạng của Người được Bảo hiểm | Trả toàn bộ               | Trả toàn bộ               |
| <b>Giường cho người nhà:</b><br>(Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)<br>Là giường thêm dành cho bố/mẹ hay người giám hộ hợp pháp lưu lại qua đêm trong cùng một phòng với Người được Bảo hiểm dưới 18 tuổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3.000.000 /ngày           | 3.500.000 /ngày           |
| <b>Chạy thận nhân tạo định kỳ</b><br>(Tối đa 30 lần/Năm hợp đồng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 400.000.000 /Năm hợp đồng | 500.000.000 /Năm hợp đồng |
| <b>Phẫu thuật trong ngày</b><br>(Tối đa 1 lần/Năm hợp đồng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 80.000.000 /Năm hợp đồng  | 100.000.000 /Năm hợp đồng |
| <b>Chi phí cấp cứu</b><br>(Tối đa 5 lần/Năm hợp đồng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 15.000.000 /Năm hợp đồng  | 20.000.000 /Năm hợp đồng  |
| <b>Trợ cấp nằm viện</b><br>(Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)<br>Lưu ý: Tổng số tiền chi trả cho quyền lợi Trợ cấp nằm viện, quyền lợi Giường cho người nhà, quyền lợi Chi phí phòng và giường trong Điều trị nội trú không được vượt quá số tiền tối đa của quyền lợi Chi phí phòng và giường trong Điều trị nội trú                                                                                                                                                                                                                            | 2.000.000 /ngày           | 2.300.000 /ngày           |

| Chương trình bảo hiểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | CE1                     | CE2                     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>Hỗ trợ tài chính trong trường hợp Người được Bảo hiểm được chẩn đoán bệnh ung thư:</b><br>Người được Bảo hiểm sẽ được chi trả quyền lợi này trong trường hợp được chẩn đoán bệnh ung thư giai đoạn cuối nhưng không bao gồm ung thư tuyến giáp. Số tiền chi trả sẽ được căn cứ vào số tiền bảo hiểm và số tháng còn lại của Năm hợp đồng. Quyền lợi này sẽ không được áp dụng trong năm tái tục tiếp theo nếu quyền lợi này đã được chi trả | 15.000.000 /tháng       | 20.000.000 /tháng       |
| <b>Dịch vụ trợ giúp khẩn cấp 24 giờ và Dịch vụ sơ tán y tế khẩn cấp</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bao gồm                 | Bao gồm                 |
| <b>Chi phí đi lại bổ sung:</b><br>(Sau khi sơ tán khẩn cấp)<br>Một vé máy bay hạng phổ thông để đưa Người được Bảo hiểm trở về nước cư trú.                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5.000.000 /Năm hợp đồng | 5.000.000 /Năm hợp đồng |
| <b>Chuyến thi hài về quê hương hoặc nước cư trú</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Trả toàn bộ             | Trả toàn bộ             |
| <b>Tổn thương răng do tai nạn:</b><br>Điều trị khẩn cấp trong vòng tối đa 7 ngày kể từ khi tai nạn gây ra mất mát hoặc tổn thương cho răng lành mạnh tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Trả toàn bộ             | Trả toàn bộ             |

(\*) Bảo vệ toàn cầu, ngoại trừ Mỹ, Canada, Hồng Kông, Singapore, Nhật Bản, Thụy Sĩ.



QUYỀN LỢI NGOẠI TRÚ (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

| Chương trình bảo hiểm                                                                                                                                                                                | CE1                  | CE2                  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Mức quyền lợi tối đa/Năm hợp đồng</b>                                                                                                                                                             | 1,0 tỷ               | 2,0 tỷ               |
| <b>Phạm vi bảo hiểm</b>                                                                                                                                                                              | Toàn cầu (*)         | Toàn cầu (*)         |
| <b>Điều trị ngoại trú (không phẫu thuật):</b><br>Chi phí Bác sĩ, xét nghiệm chẩn đoán, chẩn đoán hình ảnh theo chỉ định của Bác sĩ, thuốc được kê đơn, vật tư y tế, và các chi phí có liên quan khác | 50.000.000 /lần khám | 60.000.000 /lần khám |

| Chương trình bảo hiểm                                                                                                                                                                                                                                                            | CE1                     | CE2                     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>Điều trị ngoại trú (có phẫu thuật):</b><br>Chi phí bác sĩ phẫu thuật, chi phí phòng phẫu thuật, chi phí gây mê/gây tê, chi phí xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, chi phí vật tư y tế, dụng cụ và trang thiết bị phẫu thuật, thuốc được kê đơn, và các chi phí có liên quan khác | 60.000.000<br>/lần khám | 70.000.000<br>/lần khám |
| <b>Chi phí vật lý trị liệu, trị liệu thần kinh cột sống trong điều trị ngoại trú</b><br>(Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)                                                                                                                                                            | 5.000.000<br>/ngày      | 10.000.000<br>/ngày     |
| <b>Khám sức khỏe miễn phí</b><br>(Tối đa 1 lần khám/Năm hợp đồng)<br>Chi phí được trả trong trường hợp không xảy ra sự kiện bảo hiểm được bồi thường nào trong Năm hợp đồng liền trước đó                                                                                        | 5.000.000               | 5.000.000               |
| <b>Tiêm chủng Vắc-xin</b><br>(Tối đa 1 lần/Năm hợp đồng)<br>Công ty chi trả 60% chi phí                                                                                                                                                                                          | 4.000.000               | 5.000.000               |
| <b>Gói tầm soát ung thư</b><br>(Tối đa 1 lần/Năm hợp đồng)<br>Công ty chi trả 60% chi phí                                                                                                                                                                                        | 3.000.000               | 3.000.000               |

(\*) Bảo vệ toàn cầu, ngoại trừ Mỹ, Canada, Hồng Kông, Singapore, Nhật Bản, Thụy Sĩ.

### ■ QUYỀN LỢI THAI SẢN (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

| Chương trình bảo hiểm                                                                                                                                                                                                                | CE1                    | CE2                    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Mức quyền lợi tối đa/Năm hợp đồng                                                                                                                                                                                                    | 80 triệu               | 100 triệu              |
| Phạm vi bảo hiểm                                                                                                                                                                                                                     | Toàn cầu (*)           | Toàn cầu (*)           |
| <b>Quyền lợi thai sản:</b><br>Chi phí khám thai; sinh thường hoặc sinh mổ do Sự cần thiết về mặt y tế; điều trị cho trẻ sơ sinh liên quan đến bệnh lý xuất hiện trong vòng 30 ngày sau khi sinh, với điều kiện người mẹ vẫn nằm viện | Trả toàn bộ            | Trả toàn bộ            |
| <b>Chăm sóc trẻ sơ sinh:</b><br>(Trong vòng 30 ngày kể từ ngày sinh hoặc trong Năm hợp đồng đã hết hạn)<br>Khám sức khỏe định kỳ, tiêm chủng, dụng cụ, vitamin                                                                       | 20.000.000             | 25.000.000             |
| <b>Chăm sóc mẹ:</b><br>(Trong vòng 30 ngày kể từ ngày sinh con hoặc năm hợp đồng đã hết hạn, tối đa 2 lần khám/năm)<br>Tái khám sau sinh                                                                                             | 2.500.000<br>/lần khám | 3.000.000<br>/lần khám |

| Chương trình bảo hiểm                                                                                                                                        | CE1                | CE2                |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>Hỗ trợ tài chính:</b><br>(Tối đa 5 ngày/lần sinh)<br>Công ty hỗ trợ tài chính trong khoảng thời gian Người được Bảo hiểm sinh con tại Cơ sở y tế          | 1.500.000<br>/ngày | 2.000.000<br>/ngày |
| <b>Quà tặng sinh nở:</b><br>(Mỗi lần sinh)<br>Áp dụng khi Người được bảo hiểm sinh con tại các Bệnh viện công lập ở Việt Nam, nhưng không thuộc khoa dịch vụ | 6.000.000          | 7.000.000          |

(\*) Bảo vệ toàn cầu, ngoại trừ Mỹ, Canada, Hồng Kông, Singapore, Nhật Bản, Thụy Sĩ.



### ■ QUYỀN LỢI NHA KHOA (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

| Chương trình bảo hiểm                                                                                                                                                                                                             | CE1                    | CE2                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Mức quyền lợi tối đa/Năm hợp đồng                                                                                                                                                                                                 | 30.000.000             | 40.000.000             |
| Phạm vi bảo hiểm                                                                                                                                                                                                                  | Toàn cầu (*)           | Toàn cầu (*)           |
| <b>Điều trị răng:</b><br>Khám, chụp X quang răng bệnh lý, Điều trị viêm nướu, nha chu, Cắt chóp răng, lấy u vôi răng (lấy vôi răng sâu dưới nướu), Trám răng bệnh lý, Điều trị tủy răng, Nhổ răng bệnh lý (bao gồm cả phẫu thuật) | Trả toàn bộ            | Trả toàn bộ            |
| <b>Vệ sinh răng</b><br>(Tối đa 2 lần/Năm hợp đồng)<br>Công ty chi trả 100%                                                                                                                                                        | 4.000.000<br>/lần khám | 5.000.000<br>/lần khám |

(\*) Bảo vệ toàn cầu, ngoại trừ Mỹ, Canada, Hồng Kông, Singapore, Nhật Bản, Thụy Sĩ.

# BẢNG PHÍ

## QUYỀN LỢI NỘI TRÚ (QUYỀN LỢI CHÍNH)

Đơn vị: đồng

| Quyền lợi Nội trú | CE1        | CE2        |
|-------------------|------------|------------|
| 0 – 3             | 36.642.000 | 47.208.000 |
| 4 – 5             | 21.934.000 | 28.260.000 |
| 6 – 18            | 19.672.000 | 25.346.000 |
| 19 – 25           | 21.652.000 | 27.896.000 |
| 26 – 30           | 24.514.000 | 31.584.000 |
| 31 – 35           | 25.804.000 | 33.246.000 |
| 36 – 40           | 27.094.000 | 34.908.000 |
| 41 – 45           | 28.842.000 | 37.160.000 |
| 46 – 50           | 33.118.000 | 42.668.000 |
| 51 – 55           | 38.594.000 | 49.724.000 |
| 56 – 60           | 46.806.000 | 60.304.000 |
| 61 – 65           | 56.298.000 | 72.534.000 |

## QUYỀN LỢI NGOẠI TRÚ (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

| Quyền lợi Ngoại trú | CE1        | CE2        |
|---------------------|------------|------------|
| 0 – 3               | 30.572.000 | 36.266.000 |
| 4 – 5               | 18.300.000 | 21.710.000 |
| 6 – 18              | 16.414.000 | 19.472.000 |
| 19 – 25             | 18.066.000 | 21.430.000 |
| 26 – 30             | 20.454.000 | 24.264.000 |
| 31 – 35             | 21.530.000 | 25.540.000 |
| 36 – 40             | 22.606.000 | 26.818.000 |
| 41 – 45             | 24.064.000 | 28.548.000 |
| 46 – 50             | 27.632.000 | 32.778.000 |
| 51 – 55             | 32.200.000 | 38.198.000 |
| 56 – 60             | 39.052.000 | 46.328.000 |
| 61 – 65             | 46.974.000 | 55.724.000 |

## QUYỀN LỢI THAI SẢN (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

| Quyền lợi Thai sản | CE1        | CE2        |
|--------------------|------------|------------|
| 18 – 50            | 23.726.000 | 29.650.000 |

## QUYỀN LỢI NHA KHOA (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Đơn vị: đồng

| Quyền lợi Nha khoa | CE1        | CE2        |
|--------------------|------------|------------|
| 0 – 3              | 12.350.000 | 15.966.000 |
| 4 – 5              | 18.524.000 | 23.948.000 |
| 6 – 18             | 12.350.000 | 15.966.000 |
| 19 – 25            | 12.350.000 | 15.966.000 |
| 26 – 30            | 12.350.000 | 15.966.000 |
| 31 – 35            | 12.350.000 | 15.966.000 |
| 36 – 40            | 12.350.000 | 15.966.000 |
| 41 – 45            | 18.524.000 | 23.948.000 |
| 46 – 50            | 18.524.000 | 23.948.000 |
| 51 – 55            | 18.524.000 | 23.948.000 |
| 56 – 60            | 18.524.000 | 23.948.000 |

## QUYỀN LỢI TAI NẠN CÁ NHÂN (QUYỀN LỢI LỰA CHỌN)

Phí bảo hiểm = Tỷ lệ phí bảo hiểm theo phân loại nghề nghiệp x Số tiền bảo hiểm

| Phân loại nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                   | Tỷ lệ Phí bảo hiểm |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>Loại 1:</b> Các nhiệm vụ chuyên môn, hành chính của cơ quan có tính chất tĩnh tại và các công việc có tính chất tĩnh tại khác                                                                                                        | 0,0900%            |
| <b>Loại 2:</b> Các nghề nghiệp không phải lao động chân tay nhưng ở trong tình trạng dễ bị rủi ro tai nạn do môi trường làm việc hay công việc đó đòi hỏi phải đi lại nhiều, những nghề nghiệp có liên quan đến nhiệm vụ giám sát chính | 0,1035%            |
| <b>Loại 3:</b> Những nghề nghiệp dễ xảy ra tai nạn hoặc những công việc lao động chân tay nhẹ, những công việc lao động chân tay không nguy hiểm                                                                                        | 0,1190%            |
| <b>Loại 4:</b> Những nghề nghiệp nguy hiểm, các ngành công nghiệp nặng và không được quy định từ loại 1 đến loại 3                                                                                                                      | Không bảo hiểm     |

ĐỘ TUỔI  
THAM GIA

Từ 15 ngày tuổi

0 » 18 » 50 » 60 » 65 » 70

NỘI TRÚ, NGOẠI TRÚ, TAI NẠN CÁ NHÂN

THAI SẢN

NHA KHOA

Tái tục lên đến 70 tuổi cho Quyền lợi  
Nội trú, Ngoại trú và Tai nạn cá nhân.

## CÁC CHIẾT KHẤU VÀ CÁC LỰA CHỌN KHÁC

(Chỉ áp dụng cho quyền lợi Nội trú và Ngoại trú)

### KHÔNG PHÁT SINH BỒI THƯỜNG

1 năm\* trước đó

GIẢM **10%**

2 năm\* liền trước đó

GIẢM **15%**

3 năm\* liền trước đó

GIẢM **20%**

(\*) Năm hợp đồng

### PHẠM VI BẢO HIỂM

**Châu Á**  
ngoại trừ Singapore, Hồng Kông, Nhật Bản

GIẢM **10%**

**Đông Nam Á**  
ngoại trừ Singapore

GIẢM **20%**



CHIẾT KHẤU NHÓM

Nhóm 3-4 người

GIẢM **5%**

Nhóm 5-10 người

GIẢM **10%**

Nhóm 11-20 người

GIẢM **15%**

Nhóm trên 20 người

GIẢM **20%**

### LỰA CHỌN ĐỒNG THANH TOÁN

Người được Bảo hiểm từ 4  
tuổi trở lên trả 20% chi phí

GIẢM **25%**

